



TÌNH TRẠNG DỄ BỊ TỔN THƯƠNG VỚI BÃO LỤT CỦA PHỤ NỮ NUÔI TRỒNG THỦY SẢN XÃ PHÚ XUÂN, HUYỆN PHÚ VANG, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Nguyễn Thị Chung*, Lê Thị Hoa Sen

Trường Đại học Nông Lâm, Đại học Huế

Tóm tắt: Việt Nam là một trong những quốc gia chịu ảnh hưởng nhiều của các loại hình thiên tai. Trong đó, bão và lụt là 2 loại hình thiên tai thường xuyên xảy ra nhất. Ước tính khoảng 59 % tổng diện tích đất và 71 % dân số dễ bị tổn thương bởi bão lụt. Hệ đầm phá Tam Giang – Cầu Hai thuộc tỉnh Thừa Thiên Huế được đánh giá là đầm phá lớn nhất khu vực Đông Nam Á. Khoảng 30 % dân số toàn tỉnh có sinh kế hoàn toàn phụ thuộc vào tài nguyên đầm phá như đánh bắt và nuôi trồng thủy sản. Tuy nhiên, cộng đồng ngư dân ven phá này lại dễ bị ảnh hưởng do bão lụt gây ra. Các nhóm yếu thế như trẻ em, phụ nữ, người già, người khuyết tật, người nghèo... thường là những đối tượng dễ bị tổn thương nhất. Phụ nữ vùng nông thôn, đặc biệt là vùng ven biển, thường dễ bị ảnh hưởng bởi thiên tai do tính chất công việc của họ trong hoạt động thủy sản có tính nhạy cảm cao với bão lụt. Tuy nhiên, các hoạt động hay biện pháp nhằm giảm nhẹ tính dễ bị tổn thương của phụ nữ nói chung và phụ nữ nuôi trồng thủy sản nói riêng vẫn chưa thực sự được quan tâm hiện nay. Do đó, nghiên cứu này tìm hiểu tình trạng dễ bị tổn thương với bão lụt của phụ nữ nuôi trồng thủy sản nhằm đưa ra những giải pháp giúp họ giảm nhẹ những ảnh hưởng tiêu cực của bão lụt. Phỏng vấn hộ, phỏng vấn sâu và thu thập số liệu thứ cấp là ba phương pháp được áp dụng để thu thập số liệu trong nghiên cứu này. Kết quả nghiên cứu chỉ ra phụ nữ đóng vai trò quan trọng trong các hoạt động nuôi trồng thủy sản. Bão lụt thường xuyên xảy ra đã ảnh hưởng tới sinh kế, sự an toàn và sức khỏe của người phụ nữ. Tình trạng dễ bị tổn thương của phụ nữ đối với bão lụt do thiếu kiến thức, kỹ năng phòng chống bão lụt, thiếu các trang thiết bị an toàn cơ bản để phòng chống và sự tiếp cận của họ đối với các hỗ trợ từ địa phương, tổ chức xã hội trong phòng chống lụt bão còn hạn chế.

Từ khóa: phòng chống bão lụt, tình trạng dễ bị tổn thương của phụ nữ, phụ nữ nuôi trồng thủy sản, Tam Giang – Cầu Hai

1 Đặt vấn đề

Nằm trong khu vực khí hậu nhiệt đới gió mùa Đông Nam Á, Việt Nam là một trong những nước chịu nhiều rủi ro thiên tai nhất khu vực châu Á Thái Bình Dương. Do phần lớn dân số sinh sống trên các vùng đất trũng thấp ven sông và duyên hải, ước tính có hơn 70 % người Việt Nam có nguy cơ phải hứng chịu các hậu quả trực tiếp từ thiên tai [6].

Tỉnh Thừa Thiên Huế là một trong các tỉnh chịu ảnh hưởng nhiều của thiên tai ở Miền Trung, đặc biệt là bão, lụt. Điển hình là các cơn bão năm 1999, 2006, các trận lụt lớn năm 2002, 2007, 2009 đã tàn phá và gây thiệt hại rất nhiều về con người và tài sản. Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, các loại hình thiên tai, đặc biệt là bão lụt diễn ra bất thường hơn thì việc nâng cao năng lực ứng phó và thích ứng cho cộng đồng là vô cùng quan trọng [3]. Xã Phú Xuân là một xã thuộc vùng đầm phá của huyện Phú Vang, tỉnh Thừa Thiên Huế, trong đó sinh kế chính của

* Liên hệ: nguyenthichung@huaf.edu.vn

người dân là nuôi trồng thủy sản. Hoạt động nuôi trồng thủy sản chịu ảnh hưởng rất lớn bởi những tác động của thiên tai, đặc biệt là bão lụt nên hiệu quả mang lại còn hạn chế, tính rủi ro cao [1].

Khái niệm tình trạng dễ bị tổn thương (TTDBTT) đã được sử dụng phổ biến từ những thập niên 1970 với nhiều cách tiếp cận khác nhau. Trong lĩnh vực quản lý rủi ro thiên tai (phòng chống thiên tai), định nghĩa của UNISDR [9] được sử dụng phổ biến nhất. Theo UNISDR tính DBTT là những đặc điểm của một cộng đồng, hệ thống hoặc tài sản làm cho cộng đồng, hệ thống hoặc tài sản đó dễ bị tác động có hại do hiểm họa tự nhiên gây ra. Tại Việt Nam hiện nay, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn hiện đang sử dụng cách tiếp cận này trong các chương trình Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng [2].

Nhiều nghiên cứu cho thấy sự thay đổi của thời tiết với những rủi ro bất ngờ, không dự đoán được sẽ gây nên những tổn thương không mong muốn lên các nhóm đối tượng khác nhau. Phụ nữ, trẻ em, người già, người khuyết tật, người nghèo... thường là những đối tượng dễ bị tổn thương nhất dưới tác động của bão lụt [4]. Những phụ nữ ở vùng nông thôn, đặc biệt là vùng ven biển là nhóm nhạy cảm nhất với những hiện thời tiết bất thường do hoạt động nuôi trồng và đánh bắt thủy sản dễ bị ảnh hưởng trước thiên tai. Vấn đề thường thấy là phụ nữ ít có cơ hội tiếp cận các nguồn lực thiết yếu cho việc sẵn sàng ứng phó với thiên tai [5]. Nhiều nghiên cứu trước đây về phân tích sự phân công lao động theo giới cho thấy phụ nữ tham gia nhiều và đóng vai trò chính trong các hoạt động sản xuất nông nghiệp, đặc biệt là trong lĩnh vực nuôi trồng thủy sản. Phụ nữ ở vùng ven biển thường có TTDBTT cao đối với bão lụt do sự phân công lao động của họ trong hoạt động thủy sản làm cho họ dễ bị ảnh hưởng bởi bão lụt [6]. Ví dụ, công việc của phụ nữ trong chăm sóc và thu hoạch thủy sản rất dễ gặp rủi ro khi thời tiết bất thường xảy ra [7]. Các chính sách hỗ trợ của chính phủ về nâng cao năng lực phòng chống bão lụt dường như chưa quan tâm tới TTDBTT của nhóm phụ nữ nuôi trồng thủy sản. Các nghiên cứu về các ảnh hưởng của bão lụt đến phụ nữ và phân tích nguyên nhân dẫn đến TTDBTT của phụ nữ nuôi trồng thủy sản đối với bão lụt vẫn chưa được nghiên cứu nhiều ở Việt Nam. Do vậy, nghiên cứu này tập trung nhằm tìm hiểu các ảnh hưởng của bão lụt đến phụ nữ nuôi trồng thủy sản; phân tích TTDBTT của phụ nữ đối với bão lụt. Kết quả nghiên cứu sẽ là căn cứ để chính quyền địa phương, các chương trình có những giải pháp phù hợp nhằm nâng cao năng lực phòng chống bão lụt cho phụ nữ.

2 Phương pháp nghiên cứu

2.1 Phương pháp nghiên cứu tình trạng dễ bị tổn thương

Nghiên cứu này áp dụng cách tiếp cận đánh giá TTDBTT trong chương trình Quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng của Bộ NN&PTNT năm 2015. Theo cách tiếp cận này, TTDBTT là những đặc điểm và hoàn cảnh của một cộng đồng làm cho cộng đồng đó dễ bị thiệt hại bởi thiên tai. Các nguyên nhân cơ bản, sâu xa dẫn đến TTDBTT do bão lụt được tìm hiểu và phân tích theo các khía cạnh:

Điều kiện vật chất bao gồm: phương tiện trang thiết bị cứu hộ cứu nạn, hệ thống cảnh báo, thông tin liên lạc, nhà tránh bão, nơi ở đảm bảo an toàn...

Hỗ trợ từ tổ chức/xã hội bao gồm: hỗ trợ y tế, cung cấp thông tin, cảnh báo, hỗ trợ vật chất...

Nhận thức, kỹ năng phòng chống: Hiểu biết chung về bão lụt; kinh nghiệm cảnh báo, di dời, cứu hộ cứu nạn; khả năng tiếp cận thông tin; các công việc để phòng chống bão lụt...

2.2 Phương pháp thu thập số liệu

Phương pháp phỏng vấn hộ: chọn 30 phụ nữ tại xã Phú Xuân có tham gia vào hoạt động nuôi trồng thủy sản để thực hiện phỏng vấn bằng bảng hỏi có cấu trúc. Thông tin thu thập bao gồm: thông tin cơ bản về bản thân phụ nữ và hộ, các ảnh hưởng của bão lụt tới phụ nữ, tính dễ bị tổn thương của phụ nữ với bão lụt.

Sử dụng bản câu hỏi bán cấu trúc để phỏng vấn sâu đại diện ban lãnh đạo xã, thôn có hoạt động nuôi trồng thủy sản về công tác phòng chống bão lụt và các hỗ trợ của chính quyền địa phương cho phụ nữ trong phòng chống lụt bão.

Sử dụng bản câu hỏi bán cấu trúc để phỏng vấn sâu đại diện một trong hai trạm y tế xã Phú Xuân về các loại bệnh tật xảy ra phân theo giới trong mùa bão lụt; các hỗ trợ từ y tế cho phụ nữ nuôi trồng thủy sản.

Thu thập các báo cáo, số liệu thống kê liên quan đến tình hình phát triển kinh tế xã hội, tình hình bão lụt, thiệt hại do lụt bão gây ra và công tác phòng chống lụt bão của xã.

3 Kết quả và thảo luận

3.1 Một số đặc điểm của địa bàn nghiên cứu

Phú Xuân là xã đồng bằng nằm về phía Đông Bắc của huyện Phú Vang, có tổng diện tích tự nhiên 3.022,71 ha bao gồm đất liền và diện tích đầm phá. Toàn xã có 8 thôn, trong đó có 2 thôn chủ yếu là ngư nghiệp, tổng số hộ ngư nghiệp là 1.060 hộ với thu nhập chính là từ nuôi trồng thủy sản cao triều (ao đất), nuôi thấp triều (ao vây và chắn sáo) và khai thác thủy sản tự nhiên. Thu nhập trung bình đầu người khoảng 15,5 triệu/năm.

Xã Phú Xuân đã trải qua rất nhiều đợt bão lụt lịch sử, gây thiệt hại không hề nhỏ về người và của. Theo thống kê của UBND xã, từ năm 1983 đến nay xã thường xuyên gánh chịu bão lụt xảy ra hàng năm như trận bão lụt lịch sử năm 1985, 1999, 2006, 2009. Bão lụt diễn ra có xu hướng bất thường đến sớm hơn và kết thúc muộn hơn so với trước đây. Nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại nhiều nhất bởi bão lụt, đặc biệt là hình nuôi thấp triều do nuôi ao vây và chắn sáo trên phá thường dễ bị ảnh hưởng bởi bão lụt.

3.2 Đặc điểm của phụ nữ nuôi trồng thủy sản xã Phú Xuân

Nghiên cứu này thực hiện phỏng vấn bằng bảng hỏi 30 chị phụ nữ nuôi trồng thủy sản xã Phú Xuân. Thông tin về đặc điểm xã hội của phụ nữ nuôi trồng thủy sản xã Phú Xuân bao gồm trình độ học vấn, tuổi, thâm niên nuôi trồng thủy sản, phân loại hộ và cơ cấu thu nhập được trình bày ở bảng 1.

Bảng 1. Đặc điểm kinh tế - xã hội của phụ nữ nuôi trồng thủy sản

TT	Tiêu chí	Phân loại	Số lượng	Phần trăm
1	Trình độ học vấn	Mù chữ	5	16,7
		Tiểu học	14	46,7
		Cấp 2	7	23,3
		Cấp 3	4	13,3
2	Độ tuổi	Dưới 35	4	13,3
		Từ 36-55	20	66,7
		Trên 55	6	20,0
3	Thâm niên nuôi trồng thủy sản	Dưới 10 năm	2	6,7
		Từ 10 - 20 năm	25	83,3
		Trên 20 năm	3	10,0
4	Phân loại hộ	Nghèo	10	33,3
		Cận nghèo	3	10,0
		Trung bình	13	43,3
		Khá	4	13,3
5	Cơ cấu thu nhập	Trồng trọt	0	0,0
		Nuôi thấp triều	30	100,0
		Dịch vụ	3	10,0

(Nguồn: số liệu tính toán từ phỏng vấn 30 phụ nữ, 2016)

Bảng thống kê cho thấy đa phần phụ nữ có học vấn ở trình độ tiểu học, chiếm 47,7 %, chỉ có 7 (23,3 %) phụ nữ học xong cấp hai và 4 (13,3 %) phụ nữ có trình độ cấp ba. Có khoảng 16,7 % phụ nữ không biết chữ và không có chị nào có trình độ đại học kể cả chi hội trưởng phụ nữ. Học vấn của phụ nữ nuôi trồng thủy sản còn thấp do hầu hết người được phỏng vấn có độ tuổi trung niên chiếm 66,7 % và người trên tuổi lao động chiếm 20%. Điều này gây khó khăn không nhỏ tới việc phát triển kinh tế của bản thân các hộ dân đồng thời cản trở sự phát triển chung của cộng đồng về mọi mặt kinh tế - xã hội. Về thâm niên nuôi trồng thủy sản, đặc trưng kinh tế của cộng đồng này là nghề sông nước, do vậy đa phần phụ nữ (88,3 %) đều có thâm niên nuôi trồng thủy sản trên 10 năm. Ngoài ra, có 3 phụ nữ có thâm niên trên 20 năm là những người có độ tuổi trên 55 tuổi.

Về phân loại hộ, trong 30 chị phụ nữ được hỏi thì có 13 chị thuộc hộ nghèo và cận nghèo, trong đó hộ nghèo chiếm tới 33,3 %. Trong khi đó, hộ trung bình chiếm 43,3 % và chỉ có 13,3 % chị thuộc hộ khá. Cơ cấu thu nhập cho thấy nuôi trồng thủy sản là nguồn sinh kế chính và có thể coi là duy nhất của phụ nữ. Tuy nhiên, việc phụ nữ quá phụ thuộc vào một ngành nghề sẽ chứa đựng rất nhiều rủi ro đặc biệt nghề nuôi trồng thủy sản gắn với sự bấp bênh về thời tiết, môi trường và thị trường.

3.3 Sự phân công lao động trong nuôi trồng thủy sản theo giới

Nghiên cứu này tập trung vào hình thức nuôi trồng thủy sản thấp triều, địa điểm nuôi trồng và các hoạt động nuôi trồng thủy sản ở đây đều thực hiện trên đầm phá. Bảng 2 là kết quả phỏng vấn của 30 phụ nữ về sự phân công lao động trong gia đình đối với nuôi trồng thủy sản. Nhìn chung, phụ nữ tham gia và đóng vai trò quan trọng trong tất cả các khâu của nuôi trồng thủy sản.

Bảng 2. Sự phân công lao động trong nuôi trồng thủy sản theo giới

TT	Chỉ tiêu	Người làm chính (%)		
		Chồng	Vợ	Cả hai
1	Chuẩn bị vật tư, trang thiết bị	6,7	80,0	13,3
2	Chuẩn bị ao nuôi	16,7	10,0	73,3
3	Thả giống	30,0	23,3	46,7
4	Cho ăn	13,3	73,3	13,3
5	Theo dõi tình hình ao nuôi	63,3	20,0	16,7
6	Bảo vệ ao nuôi	23,3	6,7	70,0
7	Tu sửa, gia cố bờ ao	36,7	20,0	43,3
8	Thu hoạch	23,3	26,7	56,7

(Nguồn: số liệu tính toán từ phỏng vấn 30 phụ nữ, 2016)

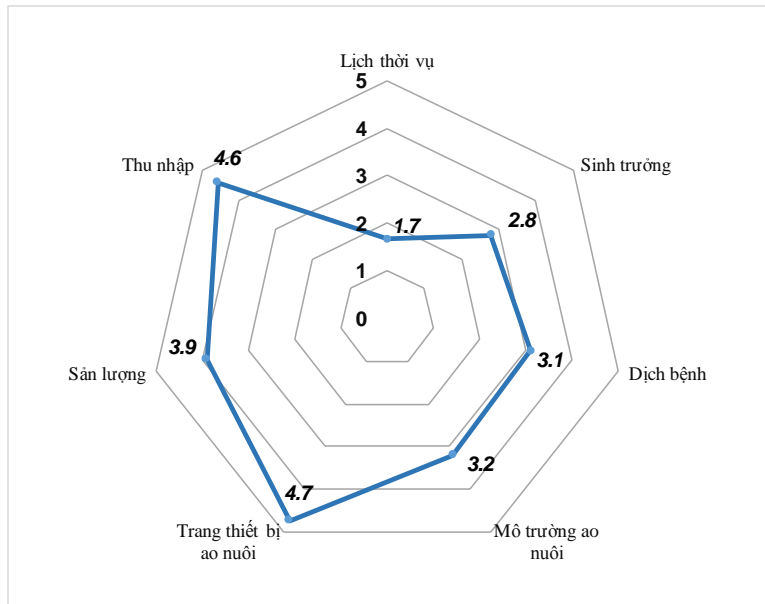
Kết quả số liệu cho thấy các hoạt động nuôi trồng thủy sản trên phá đòi hỏi sự tham gia của cả vợ và chồng thể hiện bằng số ý kiến trả lời cả hai giới cùng làm các công việc chiếm tỉ lệ cao như chuẩn bị ao nuôi (đóng cọc tre, đăng lưới bảo vệ) với 73 %, thả giống chiếm 46,7 %, ở lại chòi canh cùng chồng để bảo vệ ao nuôi chiếm 70 %, thu hoạch với 56,7 %. Ngoài ra, phụ nữ đóng vai trò quan trọng trong khâu chuẩn bị vật tư, trang thiết bị cho ao nuôi như đan lưới, chuẩn bị cọc tre, ngư cụ... chiếm 80 % ý kiến. Hoạt động cho tôm cá ăn hàng ngày trên đầm phá đều do phụ nữ đảm nhận chiếm 73 %. Nhiều phụ nữ chia sẻ các công việc tại ao nuôi chiếm phần lớn thời gian trong một ngày của phụ nữ. Kết quả này cho thấy phụ nữ đóng vai trò quan trọng trong nuôi trồng thủy sản, nhưng họ có nguy cơ gặp các rủi ro cao bởi bão lụt do tính chất công việc và điều kiện làm việc của họ chủ yếu trên đầm phá và phụ thuộc nhiều vào thời tiết.

3.4 Ảnh hưởng của bão lụt đến phụ nữ nuôi trồng thủy sản

Ảnh hưởng tới nuôi trồng thủy sản của phụ nữ

Biểu đồ 1 trình bày tác động của bão lụt đến hoạt động nuôi trồng thủy sản của phụ nữ theo 7 tiêu chí theo mức độ lớn dần từ thang điểm 0 - không ảnh hưởng cho đến thang điểm 5 - ảnh hưởng nghiêm trọng. Kết quả số liệu cho thấy trong 7 tiêu chí thì trang thiết bị ao nuôi và thu nhập được phụ nữ đánh giá bị thiệt hại nhiều nhất dưới ảnh hưởng của bão lụt với điểm trung bình xấp xỉ 4,6 và 4,7. Theo chia sẻ của chị phụ nữ, bão lụt hàng năm khiến hệ thống lưới bao bị hư hỏng nặng do đó họ phải tốn thời gian và lưới hoặc chi phí để tu sửa lại. Thông thường thu nhập từ nuôi trồng thủy sản từ ao vây trong chính vụ của người dân giao động từ 1,2 triệu/ngày đến 2 triệu/ngày, nhưng trong mùa mưa bão thì họ chỉ đánh bắt tự nhiên trên vùng chần sáo của mình thu nhập trung bình cao nhất chỉ khoảng 500.000 đồng/ngày. Những năm có bão lụt lớn, thủy sản trong ao vây chưa kịp khai thác bị thất thoát nghiêm trọng làm cho sản lượng nuôi giảm. Điều này được phản ánh thông qua điểm trung bình mức độ ảnh hưởng của bão lụt đến sản lượng tôm cá là 3,9.

Ngoài ra, số liệu trong biểu đồ 1 cho thấy bão lụt cũng ảnh hưởng tương đối đến môi trường ao nuôi (điểm trung bình 3,2) và gây ra dịch bệnh với thủy sản (điểm trung bình 3,1). Đa số phụ nữ cho rằng bão lụt có ảnh hưởng ít tới lịch thời vụ và sinh trưởng phát triển thủy sản của gia đình họ, do người dân tuân thủ theo lịch thời vụ của địa phương và thời điểm xảy ra bão lụt là lúc tôm cá đã trưởng thành.



Biểu đồ 1. Mức độ ảnh hưởng của bão lụt sinh kế nuôi trồng thủy sản của phụ nữ
(Nguồn: số liệu tính toán từ phỏng vấn 30 phụ nữ, 2016)

Ảnh hưởng của bão lụt tới sức khỏe của phụ nữ nuôi trồng thủy sản

Kết quả phỏng vấn sâu cán bộ y tế xã cho thấy có 6 nhóm bệnh xảy ra trong mùa bão lụt gồm bệnh liên quan đến cảm cúm, ỉa chảy, tai mũi họng, phụ khoa, bệnh ngoài da và bệnh về mắt. Trong tổng số bệnh nhân đến khám chữa bệnh được thống kê thì phụ nữ chiếm hơn 50 %.

Bảng 3. Thống kê số lượng bệnh nhân hộ nuôi trồng thủy sản khám chữa bệnh trong mùa mưa bão

TT	Các bệnh tật sau bão lụt	Tổng số bệnh nhân	Phụ nữ	Phần trăm (%)
1	Cảm cúm, sốt	55	32	58,2
2	Ỉa chảy	12	9	75,0
3	Tai mũi họng	105	80	76,2
4	Phụ khoa	30	30	100,0
5	Bệnh ngoài da	96	57	59,4
6	Bệnh về mắt	42	28	66,7

(Nguồn: số liệu thống kê từ trạm y tế xã, 2016)

Kết quả số liệu trong bảng 3 cho thấy phụ nữ dễ bị nhiễm các bệnh trong mùa bão lụt, đặc biệt bệnh phụ khoa với 100% phụ nữ nuôi trồng thủy sản đến khám đều bị nhiễm, bệnh này xảy ra nhiều và nghiêm trọng nhất trong mùa mưa bão so với các mùa khác. Ngoài, tỉ lệ phụ nữ bị bệnh về tai mũi họng, ỉa chảy và bệnh ngoài da cũng chiếm tỉ lệ cao trong tổng số bệnh nhân. Qua phản ánh của cán bộ trạm y tế, số lượng bệnh nhân đến khám chữa bệnh trong

mùa mưa bão ở những thôn có nuôi trồng thủy sản thường cao hơn vùng trồng trọt do đặc điểm của ngành nghề thường xuyên tiếp xúc với nước và ở ngoài trời. Điều này cho thấy bão lụt có những ảnh hưởng tiêu cực tới sức khỏe phụ nữ nuôi trồng thủy sản do tính chất công việc thường xuyên gắn liền với đầm phá và tiếp xúc nhiều với mưa gió.

3.5 Tình trạng dễ bị tổn thương với bão lụt của phụ nữ nuôi trồng thủy sản xã Phú Xuân

Kiến thức về phòng chống bão lụt

Nhằm giúp người dân có thể hạn chế tối đa những thiệt hại từ bão lụt gây ra, Nhà nước và nhiều tổ chức đã có những chính sách, chương trình liên quan đến công tác hỗ trợ phòng chống lụt bão cho người dân cả nước nói chung và tỉnh Thừa Thiên Huế nói riêng. Tuy nhiên, kết quả phỏng vấn nhóm phụ nữ nuôi trồng thủy sản về những kiến thức phòng chống bão lụt cho thấy nhận thức của họ về các nội dung này còn hạn chế được thể hiện ở bảng 4.

Bảng 4. Kiến thức của phụ nữ về phòng chống lụt bão

TT	Kiến thức phòng chống lụt bão	Số người trả lời	Phần trăm
1	Hiểu biết chung về lụt bão	30	100,0
2	Biết cách di dời, sơ tán khi cần thiết	13	43,3
3	Nắm được các công việc cần làm trong NTTS (trước, trong, sau) bão lụt	4	13,3
4	Có kiến thức cảnh báo bão lụt	27	90,0

(Nguồn: tính toán từ phỏng vấn 30 phụ nữ, N = 30)

Kết quả ở bảng 4 cho thấy khi được hỏi về kiến thức phòng chống lụt bão thì 100 % phụ nữ trả lời biết về nội dung này. Họ cho rằng đó là những thông tin chung về lụt bão như thời gian xuất hiện, cấp độ... Khoảng 90 % ý kiến chia sẻ họ có kiến thức về cảnh báo bão lụt tại địa phương. Ngoài ra, có khoảng 43 % ý kiến cho rằng họ biết cách di dời, sơ tán khi cần thiết. Trên 85 % phụ nữ được phỏng vấn không có kiến thức về những việc cần làm trước, trong và sau bão lụt trong nuôi trồng thủy sản để đảm bảo an toàn cho ao nuôi, cho bản thân và gia đình. Tất cả các nhận thức về nội dung phòng chống lụt bão ở trên được phụ nữ chia sẻ dựa trên hiểu biết của họ và những hoạt động thực tế họ quan sát tại cộng đồng. Kết quả nghiên cứu chứng tỏ rằng nhận thức của phụ nữ về các nội dung phòng chống lụt bão xã Phú Xuân còn hạn chế, điều này sẽ khiến họ dễ bị tổn thương hơn bởi loại hình thiên tai này.

Kỹ năng về phòng chống bão lụt

Bảng 5 trình bày các kỹ năng phòng chống bão lụt của phụ nữ nuôi trồng thủy sản xã Phú Xuân. Có 9 kỹ năng được nêu ra trong quá trình phỏng vấn nhằm phản ánh năng lực ứng phó và phòng chống với bão lụt của phụ nữ.

Bảng 5. Kỹ năng phòng chống bão lụt của phụ nữ

TT	Kỹ năng phòng chống bão lụt	Số người trả lời	Phần trăm
1	Làm theo sự hướng dẫn của chính quyền địa phương	25	83,3
2	Chủ động dự trữ thức ăn, nước uống, đèn dầu, nến, đèn pin, pin	7	23,3
3	Thu hoạch tôm cá càng sớm càng tốt	14	46,7
4	Ao nuôi	16	53,3
5	Cất giữ tài sản, vật tư ở nơi cao ráo, an toàn	6	20,0
6	Chuẩn bị xuồng ghe để sơ tán	30	100,0
7	Thường xuyên lắng nghe tivi, đài radio hoặc loa đài công cộng về cảnh báo bão lũ	26	86,7
8	Kỹ năng bơi lội:		
	+ Dưới 10 m	20	70,0
	+ Trên 10 m	6	20,0

(Nguồn: tính toán từ phỏng vấn 30 phụ nữ, N = 30)

Kết quả số liệu cho thấy, chỉ có 3 hoạt động có số lượng phụ nữ trả lời nhiều nhất mà họ thực hiện để phòng chống bão lụt bao gồm làm theo hướng dẫn của chính quyền địa phương chiếm 83,3 % ý kiến, chuẩn bị xuồng ghe để sơ tán chiếm 100 % ý kiến lựa chọn và thường xuyên theo dõi thông tin bão lụt thông qua phương tiện thông tin đại chúng chiếm 86,7 %. Theo chia sẻ của các chị phụ nữ, hầu hết tâm lý của họ khá chủ quan và phụ thuộc vào người chồng là chủ yếu. Nếu họ thấy trường thôn thông báo cần làm gì thì sẽ làm theo mà không có sự chủ động sẵn. Ngoài ra, kỹ năng bơi lội phản ánh năng lực của cá nhân tự ứng cứu khi gặp nguy hiểm. Tuy nhiên, có 70 % phụ nữ biết bơi với khoảng cách dưới 10 m, trong khi chỉ có 20 % người chỉ bơi được trên 10 m. Phụ nữ tham gia phỏng vấn chia sẻ rằng, mặc dù đặc trưng làm nghề thủy sản trên đầm phá, nhưng họ chủ yếu sử dụng thuyền trong quá trình nuôi trồng thủy sản và trong gia đình người chồng thường biết bơi giỏi hơn. Kỹ năng bơi lội của phụ nữ nuôi trồng thủy sản hạn chế sẽ dẫn tới những rủi ro không dự đoán được trong mùa mưa bão.

Qua bảng 5 có thể kết luận rằng, các biện pháp phòng chống bão lụt của phụ nữ còn sơ sài và thiếu sự chủ động. Đây là nguyên nhân dẫn tới những tổn thương đối với phụ nữ khi bão lụt xảy ra nếu không dự đoán trước được.

Điều kiện về vật chất và trang thiết bị phòng chống bão lụt

Một trong những yếu tố đánh giá năng lực phòng chống lụt bão của người dân không thể bỏ qua đó là khả năng về vật chất để giúp họ ứng phó bão lụt. Đối với những hộ có điều kiện tài chính tốt sẽ trang bị cho gia đình những dụng cụ bảo hộ an toàn như áo phao, phao cứu sinh, xuồng, thiết bị liên lạc và nơi trú ẩn an toàn như chòi canh kiên cố, nhà tránh bão. Người được tiếp cận và hưởng lợi từ những vật chất này chính là các thành viên trong gia đình, trong đó có phụ nữ.

Bảng 6. Các thiết bị an toàn cơ bản phòng chống lụt bão

TT	Thiết bị an toàn cơ bản	Số ý kiến trả lời	Phần trăm
1	Áo phao	2	6,7
2	Phao cứu sinh	3	10,0
3	Thiết bị liên lạc	30	100,0
4	Xuồng	30	100,0
5	Nhà tránh bão, lũ	11	36,7
6	Chòi canh thủy sản kiên cố	7	23,3

(Nguồn: tính toán từ phỏng vấn 30 phụ nữ, N = 30)

Tuy nhiên, khi được hỏi về các thiết bị an toàn cơ bản để ứng phó với bão lụt thì 100 % phụ nữ trả lời thiết bị liên lạc và xuồng là hai thiết bị gia đình có sẵn và sử dụng trong mùa bão lụt. Trên 90 % phụ nữ trả lời gia đình họ không có áo phao hay phao cứu sinh mặc dù đây được xem là bảo hộ cơ bản của những người thường xuyên làm việc tiếp xúc với nước. Chỉ có 2 phụ nữ (6,7 %) chia sẻ gia đình họ có áo phao, phao cứu sinh do được phát từ các dự án, nhưng nếu bão lụt xảy ra thì người sử dụng là con cái của họ. Có 36,7 % chị trả lời gia đình họ có nhà tránh bão lũ, nhưng thực ra đó là một gác lửng trong nhà. Đây là những gia đình có điều kiện kinh tế khá nên có nhà kiên cố nên gia đình thiết kế thêm để tránh lũ khi cần thiết. Ngoài ra, chỉ có 7/30 (23 %) chị chia sẻ chòi canh nuôi trồng thủy sản của gia đình kiên cố do gia đình vừa mới làm lại. Hầu hết các hộ còn lại đánh giá chòi canh ao nuôi còn thô sơ vì chủ yếu làm bằng vật liệu tự nhiên như tre, nứa nên mức độ chống chịu thấp và rất có nguy cơ bị đổ vỡ hay gãy đổ nếu gió lớn.

Kết quả thông tin về nguồn lực vật chất cho thấy phụ nữ nuôi trồng thủy sản ở xã Phú Xuân thiếu các thiết bị cơ bản để phòng chống bão lụt. Điều kiện về nhà ở, nhà tránh bão, chòi canh kiên cố của hộ còn thô sơ. Chính hạn chế về điều kiện vật chất sẽ dẫn tới những gia tăng tổn thương cho phụ nữ khi bão lụt xảy ra.

Tiếp cận hỗ trợ cho phòng chống lụt bão

Để giảm thiểu các tổn thương do bão lụt gây ra thì các hỗ trợ từ bên ngoài là yếu tố quan trọng. Nghiên cứu đã chỉ ra 9 hỗ trợ từ bên ngoài liên quan đến thực tế nuôi trồng thủy sản và bão lụt tại địa phương. Nhìn chung, kết quả cho thấy các hỗ trợ này chủ yếu tập trung ở cấp cộng đồng và cấp hộ, qua đó gián tiếp liên quan đến sự tiếp cận của phụ nữ. Từ trước tới nay không có các hỗ trợ riêng nào cho nhóm phụ nữ nuôi trồng thủy sản trong phòng chống bão lụt tại địa phương.

Bảng 7 cho thấy các hỗ trợ từ địa phương chủ yếu là các khuyến cáo, cảnh báo và thông báo về bão lụt, không có hỗ trợ nào liên quan đến vật chất cho phụ nữ. Có 100 % ý kiến phụ nữ chia sẻ trong mùa bão lụt họ thường nhận được khuyến cáo từ trường thôn không nên khai thác thủy sản khi điều kiện thời tiết xấu. Ngoài ra, 73,3 % ý kiến phụ nữ đồng ý địa phương có các cảnh báo gia đình nên thu hoạch thủy sản trước mùa mưa bão để tránh thất thu. Có 37,3 % chị

phản ánh rằng địa phương có tổ chức họp thôn trước mùa mưa bão để đưa ra các khuyến cáo, nhắc nhở người dân các chuẩn bị cần thiết để ứng phó phòng chống bão lụt. Tuy nhiên, người tham gia vào họp thôn chủ yếu người chồng vì họ cho rằng chồng hiểu nội dung này tốt hơn vợ. Có 43,3 % ý kiến cho biết chính quyền có những hỗ trợ nhằm khắc phục bão lụt như cùng người dân khơi thông cống thoát, dọn dẹp rác thải trên phá, tu sửa hư hỏng ao nuôi và chòi canh của những hộ bị thiệt hại nặng...

Kết quả phỏng vấn chỉ ra rằng không có hỗ trợ nào liên quan đến vật chất, y tế, diễn tập phòng chống lụt bão diễn ra tại địa phương. Đặc biệt, mặc dù phụ nữ được xem là đối tượng dễ bị tổn thương nhất dưới ảnh hưởng của bão lụt, nhưng các hỗ trợ về phòng chống bão lụt chỉ nằm ở cấp độ cộng đồng và cấp hộ, chưa có hỗ trợ riêng nào cho phụ nữ tại địa phương trong việc nâng cao năng lực phòng chống lụt bão. Những lỗ hổng từ hỗ trợ bên ngoài này đã và đang làm gia tăng TTDBTT của phụ nữ nuôi trồng thủy sản với bão lụt nhiều hơn.

Bảng 7. Các hỗ trợ phòng chống lụt bão của địa phương

TT	Các hỗ trợ phòng chống lụt bão của địa phương	Số người trả lời	Phần trăm
1	Hướng dẫn thời vụ nuôi trồng thủy sản tránh bão lụt	16	53,3
2	Tổ chức họp thôn trước mùa mưa bão	11	36,7
3	Cảnh báo người dân thu hoạch trước khi bão tới	22	73,3
4	Tập huấn, diễn tập phòng chống lụt bão tại địa phương	0	0,0
5	Khuyến cáo người dân không khai thác khi bão lụt	30	100,0
6	Thường xuyên thông báo tình hình bão lụt khi bão lụt xảy ra	7	23,3
7	Hỗ trợ dân khắc phục bão lụt	13	43,3
8	Hỗ trợ y tế: thuốc men, khám chữa bệnh	0	0,0
9	Hỗ trợ riêng dành cho phụ nữ	0	0,0

(Nguồn: tính toán từ phỏng vấn 30 phụ nữ, N = 30)

4 Kết luận

Xã Phú Xuân có địa hình thấp trũng nên bão lụt thường xuyên xảy ra ảnh hưởng nghiêm trọng đến sinh kế thủy sản của người dân. Người phụ nữ đóng vai trò quan trọng trong các hoạt động nuôi trồng thủy sản.

Các ảnh hưởng do bão lụt gây ra lớn nhất đối với sinh kế của phụ nữ bao gồm sản lượng và thu nhập từ nuôi trồng thủy sản giảm, hệ thống trang thiết bị của ao vây bị hư hỏng. Ngoài ra, bão lụt xảy ra hàng năm cũng ảnh hưởng đến môi trường ao nuôi và dịch bệnh đối với thủy sản, gián tiếp ảnh hưởng tới thu nhập của phụ nữ.

Ti lệ phụ nữ nuôi trồng thủy sản mắc các loại bệnh tật trong mùa bão lụt nhiều hơn so với nam giới, trong đó đặc biệt là bệnh phụ khoa, tai mũi họng và bệnh ngoài da.

Các kiến thức về phòng chống lụt bão của phụ nữ nuôi trồng thủy sản còn đơn giản chủ yếu liên quan đến thông tin dự báo về bão lụt là chủ yếu. Một trong những kỹ năng cần thiết của bản thân để có thể tự bảo vệ mình trước ảnh hưởng của bão lụt là bơi lội nhưng phần lớn phụ nữ nuôi trồng thủy sản ở xã Phú Xuân đánh giá khả năng bơi lội của họ còn kém. Chính điều này sẽ gia tăng tính dễ bị tổn thương của họ khi gặp tình huống bão lụt khẩn cấp.

Các thiết bị bảo hộ an toàn cơ bản của phụ nữ để ứng phó với bão lụt hầu như không có, như áo phao, phao cứu sinh. Ngoài ra, phần lớn gia đình của phụ nữ không có cơ sở vật chất để phòng chống lụt bão như nhà tránh bão lụt hay chòi canh thủy sản kiên cố.

Các biện pháp để phòng tránh tổn thương do bão lụt gây ra còn rất sơ sài và thiếu sự chủ động. Hầu hết tâm lý của phụ nữ còn chủ quan đối với bão lụt. Đây chính là một trong những nguyên nhân dẫn tới những tổn thương khi bão lụt thất thường xảy ra.

Mặc dù phụ nữ là đối tượng dễ bị tổn thương nhất với bão lụt, nhưng chính quyền địa phương chưa có hỗ trợ nào đặc biệt riêng cho phụ nữ kể cả các dịch vụ y tế. Hầu hết các hỗ trợ từ chính quyền địa phương để giúp người dân giảm thiểu tổn thương do bão lụt chỉ dừng lại ở mức độ cung cấp thông tin cảnh báo và đưa ra các khuyến cáo.

5 Kiến nghị

Đối với phụ nữ nuôi trồng thủy sản

Để giảm thiểu tình trạng dễ bị tổn thương bởi bão lụt phụ nữ nên:

Đa dạng thêm các nguồn sinh kế mới là một trong những biện pháp bền vững lâu dài có thể giúp phụ nữ giảm sự phụ thuộc vào nguồn tài nguyên đầm phá và giảm tiếp xúc với bão lụt.

Bản thân phụ nữ nên tự trang bị cho mình kỹ năng bơi lội tốt hơn để có thể tự bảo vệ mình trong những tình huống khẩn cấp.

Chủ động trong các biện pháp phòng chống lụt bão cho bản thân và gia đình như chủ động dự trữ lương thực thực phẩm trước mùa mưa bão, không nên khai thác khi có cảnh báo bão lụt, tiến hành thu hoạch đúng lịch thời vụ để giảm các thiệt hại bão lụt xảy ra.

Cần trang bị các thiết bị an toàn cho các cá nhân trong gia đình như áo phao, phao cứu sinh để ứng phó với bão lụt bất ngờ xảy ra.

Tiếp cận thường xuyên các phương tiện thông tin đại chúng để theo dõi tình hình bão lụt và tuân thủ đúng cảnh báo, khuyến cáo của chính quyền địa phương.

Đối với chính quyền địa phương

Việc cung cấp các cảnh báo sớm quan trọng hơn ứng phó ở trong trường hợp khẩn cấp. Do đó, chính quyền địa phương nên có các cảnh báo và dự báo sớm cũng nên chi tiết hơn về

những nơi không an toàn, những việc mà phụ nữ hay nam giới nên làm để họ có những hành động thích hợp.

Hàng năm nên tổ chức các cuộc thi bơi lội cho phụ nữ để khuyến khích nâng cao khả năng bơi lội và ứng cứu cho phụ nữ.

Trạm y tế nên có các buổi tập huấn, chia sẻ về cách phòng ngừa một số bệnh thường xuyên xảy ra trong mùa mưa bão.

Tổ chức lớp tập huấn, tuyên truyền để nâng cao kiến thức về lụt bão, kỹ năng phòng chống lụt bão cho phụ nữ. Tổ chức diễn tập phòng chống lụt bão tại địa phương cho phụ nữ để nâng cao năng lực ứng phó với bão lụt cho họ.

Xây dựng kế hoạch phòng chống lụt bão chi tiết hàng năm có sự tham gia của phụ nữ và nên có lồng ghép yếu tố giới.

Tài liệu tham khảo

1. Ban chỉ huy phòng chống thiên tai xã Phú Xuân (2015), *Báo cáo phòng chống thiên tai năm 2015*.
2. Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn (2014), *Tài liệu hướng dẫn đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng*, Trung tâm phòng chống và giảm nhẹ thiên tai (DMC), Hà Nội, tháng 4, 2014.
3. Đài khí tượng thủy văn khu vực Trung Trung Bộ (2014), *Sách chuyên khảo: đặc điểm khí hậu khí tượng thủy văn tỉnh Thừa Thiên Huế*, Đà Nẵng.
4. Trần Anh Tuấn, Lê Thị Kim Hồng (2012), Đánh giá tính tổn thương và kỹ năng thích nghi ở hộ gia đình trước thiên tai và biến đổi khí hậu trong khu vực thuộc quận Bình Thủy và huyện Vĩnh Thạch, thành phố Cần Thơ, *Tạp chí Khoa học Trường Đại học Cần Thơ*, 22b, 221-230.
5. Vũ Văn Tú, Nguyễn Ngọc Đăng, Tô Thị Mai Hiền (2016), *Dự án: tăng cường năng lực thể chế cho quản lý thiên tai rủi ro tại Việt Nam, đặc biệt là các thiên tai liên quan tới biến đổi khí hậu trong giai đoạn 2012-2016, SCDMII*, Hà nội, tháng 5 năm 2016.
6. Garai, Joydeb (2016), *Gender specific vulnerability in climate change and possible sustainable livelihoods of coastal people: a case from Bangladesh*. *Revista de Gestão Costeira Integrada* 16(1): 79-88.
7. Shah, Kalim U., et al. (2013), *Understanding livelihood vulnerability to climate change: Applying the livelihood vulnerability index in Trinidad and Tobago*. *Geoforum* 47: 125-137.
8. UNISDR (2009), *UNISDR Terminology for Disaster Risk Reduction*. United Nations International Strategy for Disaster Reduction (UNISDR) Geneva, Switzerland.

VULNERABILITY OF FEMALE AQUACULTURISTS TO FLOODS AND STORMS IN PHU XUAN COMMUNE, PHU VANG DISTRICT, THUA THIEN HUE PROVINCE

Nguyen Thi Chung*, Le Thi Hoa Sen

College of Agriculture and Forestry, Hue University

Abstract: Vietnam is one of the countries most affected by disasters, particularly storms and floods that occur the most frequently. Approximately 59 % of the total land area and 71 % of the population are vulnerable to these disasters. Tam Giang - Cau Hai Lagoon in Thua Thien Hue province is considered to be the largest lagoon in Southeast Asia with about 30 % of the provincial population whose livelihood entirely depends on the lagoon natural resources such as fishing and aquaculture. However, these communities are often susceptible and vulnerable to floods and storms. The vulnerable groups like children, women, the elderly, the handicap, and the poor, etc. are the most likely to be affected by these disasters. However, the activities or measures to mitigate the vulnerability of women, in general, and female aquaculturists, in particular, have not yet been paid sufficient attention. Therefore, this study aims to solve these problems. Questionnaires, in-depth interviews, and secondary data collection were used to get information. The findings indicated that women play an important role in aquacultural activities, and frequent floods and storms affect their livelihoods, safety, and health. This vulnerability is mainly due to the lack of knowledge, skills, and facilities for flood and storm control. Furthermore, their access to the support from local authorities and social organizations has been limited.

Keywords: storms and floods, disasters, vulnerability, female aquaculturists, Tam Giang – Cau Hai